

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **39/2020/KDTM- ST**
Ngày 22 tháng 7 năm 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng kinh tế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

2. Ông **Phạm Chương Dương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 24/2020/TLST-KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh tế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2020/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST - HPT ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: **Công ty 2**, địa chỉ trụ sở: Lô D1, khu CN T, xã H, huyện A, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Lan - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Thế Hiệp, bà Nguyễn Thanh Tú - Chức vụ: Cán bộ pháp lý Công ty Luật TNHH Minh Tín theo Quyết định số 12/2020/QĐGD-MT ngày 21/7/2020;

* Bị đơn: **Công ty H**; địa chỉ trụ sở: Số 45 phố S, phường K, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn Thắng – Chức vụ: Giám đốc.

(Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn – bà Tú, ông Hiệp có mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2018 của nguyên đơn, cũng như các bản khai người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Giữa Công ty 2 sau đây gọi tắt là Công ty 2 và Công ty H sau đây gọi tắt là Công ty H tồn tại nhiều quan hệ mua bán hàng hóa với nhau, theo đó Công ty 2 là bên bán các sản phẩm Sơn bột tĩnh điện và Công ty H là bên mua.

Cụ thể, Ngày 01/01/2016 Công ty 2 và Công ty H đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 087HN/HĐNT-HPP2 về việc mua bán Sơn tĩnh điện nhãn hiệu Selac theo bản quyền của HPP2 - Việt Nam. Tổng giá trị hàng hóa thực tế Công ty 2 bán cho Công ty H là 339.802.076 đồng.

Ngoài ra, giữa hai Công ty còn nhiều lần thỏa thuận khác về việc mua bán các sản phẩm sơn phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty H. Trong đó, Công ty 2 đã 30 lần bán hàng cho Công ty H, tổng giá trị hàng hóa là 387.722.708 đồng.

Tổng giá trị thực tế của Hợp đồng nguyên tắc số 087HN/HĐNT-HPP2 ngày 01/01/2016 và 30 lần Công ty 2 bán hàng cho Công ty H là 727.524.784 đồng.

Về thanh toán của Công ty H:

* Đối với Hợp đồng nguyên tắc số 087HN/HĐNT-HPP2 ngày 01/01/2016: Công ty H đã thanh toán cho Công ty 2 số tiền là 295.229.000 đồng.

* Đối với 30 lần Công ty 2 bán hàng cho Công ty H: Công ty H đã thanh toán số tiền là 334.600.000 đồng.

Như vậy, Công ty H đã thanh toán cho Công ty 2 số tiền hàng của Hợp đồng nguyên tắc số 087HN/HĐNT-HPP2 ngày 01/01/2016 và 30 lần Công ty 2 bán hàng cho Công ty H là 629.829.000 đồng. Do đó, Công ty H còn nợ và phải tiếp tục thanh toán cho Công ty 2 số tiền là 727.524.784 đồng – 629.829.000 đồng = 97.695.784 đồng.

Công ty 2 đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, buộc Công ty H phải thanh toán cho Công ty 2 các khoản tiền sau:

- Tiền nợ gốc là: 97.695.784 đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 26 /7/2016 đến ngày 22/7/2020 là: 52.213.712 đồng.

Vậy, tổng số tiền Công ty 2 đề nghị Tòa án buộc Công ty H phải thanh toán tính đến ngày 22/7/2020 là: 149.909.496 đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được. Tòa án đã

tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do và cũng không ủy quyền cho bất cứ ai tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét quyền lợi của các đương sự và tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tổng đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử sau khi đã tổng đạt hợp lệ cho đương sự là đúng thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Việc bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế hai bên đã ký là vi phạm hợp đồng kinh tế và các quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán theo hợp đồng kinh tế là có căn cứ.

Từ những phân tích nhận định trên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 22/7/2020 là: 149.909.496 đồng. Trong đó: nợ gốc: 97.695.784 đồng, lãi chậm thanh toán tính đến ngày 22/7/2020: 52.213.712 đồng.

Án phí sơ thẩm: Hoàn trả Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Công ty H có trụ sở đăng ký kinh doanh tại số 45 phố Sơn Tây, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

- Bị đơn không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, nhưng không thông báo cho nguyên đơn được biết. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo hợp lệ tại địa chỉ kinh doanh của bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 01/01/2016 Công ty 2 và Công ty H đã thống nhất ký Hợp đồng nguyên tắc số 087HN/HĐNT-HPP2 về việc mua bán Sơn tĩnh điện nhãn hiệu Selac theo bản quyền của HPP2 - Việt Nam. Đây là hợp đồng kinh tế được các bên ký kết đúng về hình thức và nội dung nên được thừa nhận và bảo vệ, các bên có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

[3] Căn cứ các hóa đơn và phiếu thu mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, nhận thấy: Tổng giá trị thực tế của Hợp đồng nguyên tắc số 087HN/HĐNT-HPP2 ngày 01/01/2016 và 30 lần Công ty 2 bán hàng cho Công ty H là 727.524.784 đồng.

Đối với Hợp đồng nguyên tắc số 087HN/HĐNT-HPP2 ngày 01/01/2016: Công ty H đã thanh toán số tiền là 295.229.000 đồng.

Đối với 30 lần Công ty 2 bán hàng cho Công ty H: Công ty H đã thanh toán cho Công ty 2 số tiền là 334.600.000 đồng.

Như vậy, Công ty H đã thanh toán cho Công ty 2 số tiền hàng của Hợp đồng nguyên tắc số 087HN/HĐNT-HPP2 ngày 01/01/2016 và 30 lần Công ty 2 bán hàng cho Công ty H là 629.829.000 đồng. Do đó, Công ty H còn nợ và phải tiếp tục thanh toán cho Công ty 2 số tiền là 727.524.784 đồng – 629.829.000 đồng = 97.695.784 đồng.

Do đó, việc Công ty 2 khởi kiện yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng tạm tính đến ngày 22/7/2020 là 52.213.712 đồng là có cơ sở phù

hợp với các Điều 290; 432 và 438 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;
- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 290, 432, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 4, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại năm 2005; Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty 2;

Buộc Công ty H phải trả Công ty 2 số tiền nợ gốc theo Hợp đồng nguyên tắc số 087HN/HĐNT-HPP2 ngày 01/01/2016 và 30 lần Công ty 2 bán hàng cho Công ty H tính đến ngày 22 tháng 7 năm 2020 là: nợ gốc: **97.695.784** (*Chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng*).

Buộc Công ty H phải trả Công ty 2 lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc theo quy định của pháp luật tính đến ngày xét xử 22 tháng 7 năm 2020 là: **52.213.712** (*Năm mươi hai triệu, hai trăm mười ba nghìn, bảy trăm mười hai đồng*).

Tổng số tiền Công ty H phải trả Công ty 2 là: **149.909.496** (*Một trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm linh chín nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2020, Công ty H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty 2 theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty H phải chịu **7.495.474** (*Bảy triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi tư đồng*) án phí sơ thẩm.

- Công ty 2 không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp **6.000.000** (*Sáu triệu*) đồng theo biên lai thu số **24254** ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2020. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Long